

Sử dụng Google classroom trong dạy học Địa lí theo mô hình dạy học kết hợp ở trường trung học cơ sở

Phạm Tất Thành

Email: thanhpt@tinue.edu.vn
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
Số 20, Lương Ngọc Quyến,
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên,
Việt Nam

TÓM TẮT: Chương trình Giáo dục phổ thông (2018) đòi hỏi phải thay đổi cách dạy học chuyển từ dạy học định hướng nội dung sang dạy học định hướng phát triển năng lực cho học sinh. Do đó, việc sử dụng những công nghệ mới và áp dụng các mô hình dạy học hiện đại trong giáo dục là một xu hướng tất yếu. Bằng phương pháp nghiên cứu lí thuyết, bài viết tập trung vào các mô hình dạy học kết hợp. Bên cạnh đó, bài viết xác định vai trò của Google classroom như công cụ hỗ trợ trong dạy học kết hợp và đề xuất tổ chức một số hoạt động dạy học trong bài “Núi lửa và động đất” sách giáo khoa Địa lí lớp 6 theo mô hình dạy học kết hợp.

TỪ KHÓA: Dạy học kết hợp, lớp học trực tuyến, Địa lí 6.

→ Nhận bài 29/4/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 12/5/2023 → Duyệt đăng 20/8/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320110>

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông đã làm xuất hiện nhiều mô hình học tập thông minh, hiệu quả và giúp tiết kiệm chi phí. Sự hỗ trợ của các công nghệ mới trong giáo dục đã và đang làm thay đổi vai trò của giáo viên từ địa vị người truyền thụ kiến thức sang người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động để học sinh tự chiếm lĩnh kiến thức. Theo đó, trong giáo dục đang có một sự chuyển tiếp từ mô hình dạy học truyền thống, trực tiếp sang các mô hình dạy và học mới áp dụng các phương pháp sư phạm hiện đại, sử dụng các thành tựu công nghệ và đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay [1].

Trên thế giới có nhiều nghiên cứu về dạy học kết hợp, cụ thể như sau: Liu (2021) cho rằng, tin học hóa giảng dạy là hướng chính của việc đổi mới trong giáo dục, mô hình dạy học kết hợp trở thành xu hướng tất yếu của việc phát triển các hình thức giảng dạy [2]. Alismaiel (2022) coi môi trường dạy học kết hợp là một trong những cập nhật công nghệ hiện đại quan trọng, có thể giúp giải quyết nhiều vấn đề học tập [3]. Alotumi (2022) đề cập đến mô hình dạy học kết hợp như là sự kết hợp giữa hướng dẫn trực tiếp của giáo viên và trải nghiệm học tập trực tuyến của học sinh [4]. Gần đây, Tang và cộng sự (2023) cũng khẳng định rằng, sự phát triển nhanh chóng và ứng dụng rộng rãi các công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo điều kiện cho dạy học kết hợp, mô hình này cũng trở thành trọng tâm của các nghiên cứu học thuật [5]. Ngoài ra, có thể kể đến các kết quả nghiên cứu của Bergdahl & Bond (2022); Graham & Halverson (2022); Sukirman và cộng sự (2022); Bizami và cộng sự (2023)... Qua các kết quả nghiên cứu trên thế giới cho thấy, dạy học kết hợp mang lại nhiều lợi

ích và trở thành là xu hướng mới trong dạy học dựa vào công nghệ hiện đại.

Ở trong nước, chủ đề dạy học kết hợp được nghiên cứu ở hầu hết các cấp học, bậc học. Bậc Đại học có các nghiên cứu của Vũ Thái Giang và Nguyễn Hoài Nam (2019); Hồ Ngọc Khương (2021); Lê Thái Hưng và cộng sự (2021); Trần Thị Lan (2022); Nguyễn Thị Hằng (2022); Võ Xuân Mai và Trần Thụy Hoàng Yến (2022). Ở cấp Trung học phổ thông có các nghiên cứu của Trần Huy Hoàng và Nguyễn Kim Đào (2016); Nguyễn Văn Đại và Đào Thị Việt Anh (2019); Nguyễn Đoàn Thanh Trúc và Phan Gia Anh Vũ (2019); Lê Thị Phương và Nguyễn Thị Phương Mai (2021). Cấp Trung học cơ sở và cấp Tiểu học có các nghiên cứu của Nguyễn Phùng Tám và Trần Thị Minh Hằng (2021); Đặng Thị Thu Huệ và cộng sự (2022); Phạm Thị Phương Nam (2022); Phan Thị Bích Lợi và Nguyễn Thị Thanh Nga (2022).

Có nhiều nghiên cứu về vận dụng mô hình dạy học kết hợp vào giảng dạy ở Việt Nam. Tổng Thị Hoạt (2016) đã đưa ra quy trình xây dựng bài học theo mô hình dạy học kết hợp gồm hai giai đoạn: 1/ Xây dựng bài học theo hình thức dạy học giáp mặt; 2/ Xây dựng bài học trực tuyến trên Web [6]. Trong khi đó, Trần Thị Huệ và Nguyễn Thị Kim Oanh (2020) đề xuất 6 bước thiết kế một khóa học áp dụng mô hình dạy học kết hợp [7]. Ngoài ra, nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Trang và cộng sự (2020) đã đề xuất các phương pháp dạy học tích cực trong tổ chức dạy học kết hợp như: lớp học đảo ngược, dạy học theo trạm, dạy học dự án, dạy học theo nhóm nhỏ,... [8]. Các tác giả Nguyễn Đoàn Thanh Trúc và Phan Gia Anh Vũ (2019); Phạm Thị Kim Giang và Nguyễn Thị Huệ (2021) nghiên cứu việc sử dụng ứng dụng Google classroom là công nghệ hỗ trợ tổ chức dạy học kết hợp [9], [10].

Dựa trên các kết quả nghiên cứu ở thế giới và trong nước về dạy học kết hợp, trong bài viết này chúng tôi đề cập đến vấn đề vận dụng mô hình dạy học kết hợp vào dạy học ở trường trung học cơ sở với các nhiệm vụ nghiên cứu như sau: 1/ Tìm hiểu các định nghĩa về dạy học kết hợp trên thế giới và Việt Nam; 2/ Sử dụng Google classroom với vai trò là công cụ hỗ trợ dạy học kết hợp; 3/ Gợi ý tổ chức một số hoạt động dạy học trong bài “Núi lửa và động đất” phần Địa lí lớp 6 theo mô hình dạy học kết hợp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận về dạy học kết hợp

2.1.1. Định nghĩa về dạy học kết hợp

Theo Graham và Halverson (2022), thuật ngữ dạy học kết hợp trong tiếng anh là Blended learning (hoặc tên khác là Hybrid learning) đã được phổ biến vào đầu những năm 2000. Từ đó cho đến nay, trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về dạy học kết hợp [11].

Dựa trên công trình nghiên cứu trước đó, Oliver và Trigwell (2005) đã đề xuất ba định nghĩa khác nhau về dạy học kết hợp: 1/ “Sự kết hợp tích hợp giữa học tập truyền thống với các phương pháp tiếp cận trực tuyến dựa trên web”; 2/ “Sự kết hợp của phương tiện truyền thông và các công cụ được sử dụng trong môi trường học tập điện tử”; 3/ “Sự kết hợp của một số phương pháp sư phạm, bất kể sử dụng công nghệ học tập” [12]. Graham (2006) đã tổng hợp các định nghĩa phổ biến nhất về dạy học kết hợp tập trung vào ba khía cạnh: tập trung vào yếu tố sử dụng kết hợp các công nghệ, phương tiện đào tạo khác nhau; tập trung vào yếu tố kết hợp giữa môi trường trực tuyến và môi trường trực tiếp; tập trung vào yếu tố kết hợp giữa các phương pháp giảng dạy [13]. Theo Picciano (2009), khóa học theo mô hình dạy học kết hợp là các khóa học tích hợp trực tuyến với các hoạt động trực tiếp truyền thống trên lớp một cách có kế hoạch, có giá trị sư phạm; trong đó quy định một phần thời gian trực tiếp được thay thế bằng hoạt động trực tuyến [14]. Yang và cộng sự (2021) cho rằng, dạy học kết hợp là một cấu trúc thiết kế hướng dẫn tạo điều kiện thuận lợi cho phát huy vai trò của công nghệ, kết hợp với hướng dẫn trực tiếp để giải quyết sự khác biệt trong học tập của học sinh [15].

Ở trong nước, cũng có một số nghiên cứu trình bày quan điểm về dạy học kết hợp, cụ thể là: Dạy học kết hợp là sự kết hợp thống nhất và bổ sung lẫn nhau giữa dạy học trực tuyến và dạy học trực tiếp dưới sự hướng dẫn của giáo viên nhằm giúp học sinh đạt được mục tiêu học tập đề ra [16]. Dạy học kết hợp không chỉ đơn thuần là sự kết hợp giữa tài liệu in và tài liệu kĩ thuật số. Dạy học kết hợp cá nhân hóa môi trường học tập, cho phép các cơ hội học tập tự chủ, thu hút sự tập trung của học sinh bằng những học liệu liên quan và tạo điều kiện cho việc giảng dạy được linh hoạt hơn [17].

Theo chúng tôi, dạy học kết hợp là hoạt động dạy của

giáo viên và hoạt động học của học sinh được tổ chức có kế hoạch trong môi trường trực tiếp kết hợp với trực tuyến cùng với sự hỗ trợ của công nghệ dạy học hiện đại nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục đề ra.

2.1.2. Các mô hình dạy học kết hợp

Theo Horn & Staker (2017), có bốn mô hình dạy học kết hợp gồm: 1) Mô hình luân chuyển; 2) Mô hình linh hoạt; 3) Mô hình tự chọn; 4) Mô hình lớp học ảo [18].

- *Mô hình luân chuyển (Rotation model)*: Là một khóa học hoặc môn học trong đó học sinh luân chuyển theo một kế hoạch có trước hoặc theo ý định của giáo viên giữa các phương thức học tập khác nhau, ít nhất một trong số đó là học trực tuyến. Mô hình này bao gồm: Luân chuyển trạm (Station Rotation); Luân chuyển phòng thực hành (Lab Rotation); Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom); Luân chuyển cá nhân (Individual Rotation).

- *Mô hình linh hoạt (Flex model)*: Là một khóa học hoặc môn học trong đó học sinh học trực tuyến là chủ yếu. Học sinh linh hoạt lên kế hoạch học tập của cá nhân, được tùy chọn giữa các phương thức học tập. Giáo viên hỗ trợ học sinh thông qua các hoạt động như hướng dẫn nhóm, dự án nhóm và tư vấn cá nhân.

- *Mô hình tự chọn (La Carte model)*: Là một khóa học mà học sinh tham gia hoàn toàn trực tuyến. Học sinh tự chọn học thêm các nội dung theo nhu cầu học tập của mình song song với việc đi học bình thường trực tiếp tại trường.

- *Mô hình lớp học ảo (Enriched Virtual model)*: Là một khóa học hoặc môn học tiến hành bằng phương thức học từ xa hoặc trực tuyến nhiều khoá học theo mô hình lớp học ảo ở giai đoạn đầu là học trực tuyến toàn thời gian và sau đó phát triển chương trình học kết hợp để cung cấp cho học sinh có trải nghiệm về trường học truyền thống.

2.1.3. Thế mạnh, hạn chế của mô hình dạy học kết hợp

Thế mạnh: Khi so sánh với dạy học truyền thống, Liu (2021) cho rằng, trong mô hình dạy học kết hợp việc dạy và học đạt được hiệu quả tốt hơn, đồng thời giúp nâng cao kiến thức và khả năng toàn diện của học sinh [2]. Trong khi đó, theo Nguyễn Văn Đại và Đào Thị Việt Anh (2019), việc kết hợp giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp tạo ra sự linh hoạt trong học tập, đáp ứng theo nhu cầu học tập và hoàn cảnh của từng học sinh; không bị giới hạn về không gian và thời gian học tập; giúp học sinh học tập chủ động, tích cực và cá nhân hóa việc học tập nhờ các lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông,... [16]. Lợi thế của mô hình dạy học kết hợp đối với học sinh, theo Bizami và cộng sự (2023) đó là khả năng cải thiện việc học [19]. Học sinh tham gia mô hình dạy học kết hợp cảm thấy thoải mái hơn khi tham gia các kì thi và đạt điểm cao hơn một chút trong các kì thi này [1].

Hạn chế: Đối với giáo viên, thách thức lớn nhất là việc sử dụng công nghệ để giảng dạy và quản lý lớp học trực tuyến. Đối với học sinh, đó là thách thức tự điều chỉnh, tự định hướng trong việc sử dụng công nghệ học tập. Theo Rasheed và cộng sự (2020), những thách thức về công nghệ trong học tập trực tuyến bao gồm: chi phí, mức độ phức tạp và sự trong thính của công nghệ. Bên cạnh đó, vấn đề triển khai hệ thống quản lý học tập phù hợp với phong cách học tập của học sinh và yêu cầu của giáo viên dạy học trực tuyến có ảnh hưởng đến hiệu quả của dạy học kết hợp [20].

2.2. Ứng dụng Google Classroom

Theo Nguyễn Việt Dũng (2016), Google Classroom đem lại hiệu quả tích cực với hoạt động đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy và học tại các nhà trường, cơ sở giáo dục [21]. Ngoài ra, việc triển khai mô hình dạy học kết hợp với sự hỗ trợ miễn phí của Google Classroom sẽ góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong dạy học [22]. Douglas (2020) đã chỉ ra sáu lợi ích quan trọng nhất của ứng dụng Google Classroom như: 1/ Dễ dàng thiết lập; 2/ Ít giấy tờ và thời gian hơn; 3/ Dễ dàng tổ chức; 4/ Giao tiếp nâng cao; 5/ Kết hợp được với các ứng dụng khác (Google form, Drive, Gmail, Lịch và Tài liệu); 6/ An toàn và miễn phí [23].

Một đặc điểm rất quan trọng của Google Classroom là ứng dụng có thể sử dụng ngay trên trình duyệt Internet của máy desktop, laptop, máy tính bảng, điện thoại thông minh... vừa có phiên bản cài đặt để giáo viên và học sinh sử dụng được trên điện thoại thông minh. Nghiên cứu của Lê Anh Vinh và cộng sự (2022) đã chỉ ra, trong số 341.830 học sinh được khảo sát từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học phổ thông thì tỉ lệ học sinh sử dụng điện thoại thông minh có kết nối mạng để học trực tuyến là 65%. Điều đó chứng tỏ điện thoại thông minh là thiết bị được học sinh sử dụng nhiều nhất khi tham gia học trực tuyến [24].

Như vậy, trong số rất nhiều ứng dụng, tiện ích có thể hỗ trợ cho mô hình dạy học kết hợp thì Google Classroom là ứng dụng miễn phí, phổ biến cho cả giáo viên và học sinh.

2.3. Xây dựng kế hoạch bài dạy “Núi lửa và động đất” phần Địa lí lớp 6

2.3.1. Xác định mục tiêu dạy học

a. Về yêu cầu cần đạt: Học xong bài này, học sinh sẽ:

- Trình bày được nguyên nhân hình thành, cấu tạo của núi lửa, biểu hiện trước khi núi lửa phun trào và hậu quả do núi lửa gây ra.
- Mô tả được hiện tượng động đất, nguyên nhân gây ra động đất, dấu hiệu trước khi xảy ra động đất và hậu quả do động đất gây ra.
- Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên

do núi lửa, động đất.

- Biết cách ứng phó khi núi lửa, động đất xảy ra.

b. Về năng lực:

Năng lực đặc thù môn Địa lí:

- Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: Nhận thức được: nguyên nhân sinh ra núi lửa, động đất; dấu hiệu báo trước của núi lửa và động đất; hậu quả của động đất; tác động tích cực và tiêu cực của núi lửa đối với thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí:

+ Tìm được các kiến thức liên quan đến núi lửa, động đất trong nội dung văn bản bài học.

+ Khai thác được hình ảnh trong bài học, cụ thể: Mô tả được cấu tạo của núi lửa (hình ảnh 1), nêu được sự thiệt hại do động đất gây ra (hình ảnh 2).

+ Sử dụng được mạng Internet để tìm hiểu các thảm họa thiên nhiên do núi lửa, động đất gây ra; hoàn thành bài tập trên Google Classroom.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Thực hiện đúng các biện pháp ứng phó khi núi lửa, động đất xảy ra.

Năng lực chung: Chủ động, tích cực trong việc tự học, nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu các tranh ảnh, bản đồ hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c. Về phẩm chất: Bài học góp phần hình thành cho học sinh các phẩm chất như:

- Biết chia sẻ, đồng cảm với những người thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai núi lửa, động đất.
- Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.3.2. Thiết kế các hoạt động dạy học

Vận dụng mô hình dạy học kết hợp, chúng tôi thiết kế các hoạt động dạy học trong kế hoạch bài dạy “Núi lửa và động đất” thuộc phần Địa lí, Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống [25].

Khung kế hoạch bài dạy được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu với bốn mô hình dạy học kết hợp [18] và ba phương pháp thiết kế khóa học dạy học kết hợp [26]: 1/ Kết hợp tác động thấp (thêm các hoạt động bổ sung vào một khóa học hiện có); 2/ Kết hợp tác động trung bình (thay thế các hoạt động trong một khóa học hiện có); 3/ Kết hợp tác động cao (xây dựng khóa học kết hợp từ đầu). Khung kế hoạch bài dạy được thiết kế bám sát Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình tổng thể) [27]; Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí năm 2018 [28] và triển khai theo Công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [29].

a. Hoạt động: Tìm hiểu núi lửa (Trích từ tiến trình dạy học bài “Động đất và núi lửa”)

Mục tiêu: Trình bày được nguyên nhân hình thành, cấu tạo của núi lửa, biểu hiện trước khi núi lửa phun trào và hậu quả do núi lửa gây ra.

Nội dung: Tổ chức hoạt động dạy học kết hợp mục tìm hiểu về núi lửa.

Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh trên lớp và trên Google Classroom.

- Nguyên nhân sinh ra núi lửa là do mac-ma từ trong lòng đất theo các khe nứt của vỏ Trái Đất phun trào lên.

- Cấu tạo núi lửa: Lò mac-ma, ống phun, miệng núi lửa.

- Dấu hiệu nhận biết núi lửa phun: Mặt đất rung nhẹ, nóng hơn,...

- Hậu quả: Thiệt hại về tài sản, tính mạng con người, gây biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến giao thông, sản xuất.

Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập trên Google Classroom (Trực tuyến)

Hoạt động của giáo viên: Trên Google classroom, giáo viên cung cấp tài liệu, hình ảnh, lược đồ, video... về núi lửa trên thế giới. Giáo viên giao nhiệm vụ tại thẻ “Thông báo” ở mục “Bảng tin” yêu cầu học sinh tìm hiểu hoạt động núi lửa thông qua quan sát hình ảnh cấu tạo núi lửa, lược đồ vành đai lửa Thái Bình Dương và xem video núi lửa phun trào. Giáo viên sử dụng thẻ “Bài tập trên lớp” để đưa ra nhiệm vụ cho học sinh làm việc theo từng nhóm độc lập.

Hoạt động của học sinh: Đăng nhập Google classroom, đọc nhiệm vụ tại thẻ “Thông báo” ở mục “Bảng tin”. Học sinh nhận nhiệm vụ theo từng nhóm và không xem được câu hỏi và phần trả lời của nhóm khác.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập (Trực tuyến)

Hoạt động của giáo viên:

- Giáo viên xây dựng câu hỏi về các nội dung: Mô tả cấu tạo và sản phẩm của núi lửa; Trình bày nguyên nhân và hậu quả của núi lửa; Nhận biết dấu hiệu của núi lửa trước khi phun trào và cách phòng tránh; Giải thích tại sao ở những khu vực núi lửa ngừng hoạt động lại có những thuận lợi cho sản xuất của con người.

- Giáo viên quản lý số lượng học sinh đã hoàn thành và chưa hoàn thành nhiệm vụ qua thẻ “Câu trả lời của học viên”, chọn vào số “Đã nộp” để xem tên học sinh đã nộp. Giáo viên chấp nhận hoặc nhận xét, góp ý câu trả lời của học sinh bằng cách chọn nút “Trả bài”. Giáo viên phản hồi những vấn đề mà học sinh trao đổi riêng.

Hoạt động của học sinh:

- Học sinh quan sát hình ảnh cấu tạo núi lửa, xem video về núi lửa phun trào, quan sát bản đồ phân bố núi lửa thế giới kết hợp với sử dụng sách giáo khoa môn học. Học sinh mở câu hỏi của giáo viên trong thẻ “Bài tập” trên lớp Google Classroom, gõ trực tiếp câu trả lời vào ô “Câu trả lời của bạn”, chọn nút “Nộp bài” để hoàn thành nhiệm vụ.

- Học sinh trao đổi, thảo luận về nội dung câu hỏi với các bạn khác trong lớp bằng cách gõ trực tiếp ở thẻ “Nhận xét của lớp học”. Nội dung trao đổi này sẽ công khai cho mọi thành viên của lớp học bao gồm cả giáo

viên và học sinh. Học sinh trao đổi, thảo luận riêng với giáo viên bằng cách gõ trực tiếp ở thẻ “Nhận xét riêng tư”. Nội dung này chỉ giáo viên và học sinh đó đọc được. Học sinh ghi chép câu hỏi và nội dung trả lời của mình vào vở cá nhân. Học sinh xem nhận xét, góp ý... của giáo viên về câu trả lời của mình. Từ đó biết được câu trả lời của mình đã chính xác hay cần phải chỉnh sửa và gửi lại cho giáo viên. Học sinh nhận được phản hồi về nội dung trao đổi riêng với giáo viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận (trực tiếp tại lớp).

Hoạt động của giáo viên: Giáo viên thể hiện lại nhiệm vụ trên màn hình chiếu. Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả trước cả lớp.

Hoạt động của học sinh: Học sinh theo dõi nhiệm vụ trên màn chiếu. Đại diện học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các học sinh trong từng nhóm lắng nghe báo cáo của bạn, góp ý bổ sung và tự so sánh với câu trả lời của mình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận, định hướng (trực tiếp tại lớp)

Hoạt động của giáo viên: Giáo viên nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh trong từng nhóm, động viên các học sinh làm tốt và nhắc nhở những học sinh còn làm chậm hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ. Giáo viên chốt kiến thức và trình chiếu nội dung câu trả lời đúng trên MS-PowerPoint. Giáo viên định hướng những nhiệm vụ tiếp theo mà học sinh cần thực hiện.

Hoạt động của học sinh: Học sinh so sánh đáp án của giáo viên với câu trả lời của mình, sau đó hoàn thiện các kiến thức đúng, ghi chép vào vở cá nhân.

b. Hoạt động: Luyện tập (trích từ tiến trình dạy học bài “Động đất và núi lửa”)

Mục tiêu:

- Củng cố, khắc sâu kiến thức và năng lực học sinh đã học được trong bài núi lửa và động đất.

- Kiểm tra mức độ hiểu và vận dụng kiến thức, năng lực của học sinh.

- Làm căn cứ điều chỉnh và nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy học.

Nội dung: Học sinh trả lời các câu hỏi trên Google Classroom.

Sản phẩm: Đáp án, thang điểm trên Google Classroom.

Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập trên Google Classroom (Trực tuyến)

Hoạt động của giáo viên: Giáo viên giao nhiệm vụ tại thẻ “Thông báo” ở mục “Bảng tin” yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi luyện tập.

Hoạt động của học sinh: Học sinh đăng nhập Google Classroom, đọc nhiệm vụ trên thẻ “Thông báo” trên mục “Bảng tin”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập (Trực tuyến)

Hoạt động của giáo viên: Giáo viên sử dụng thẻ “Bài tập trên lớp”, tạo chủ đề “Luyện tập”. Giáo viên chọn tạo các câu hỏi trong chủ đề “luyện tập” để giao nhiệm

vụ cho học sinh. Các câu hỏi có thể cài đặt hạn nộp theo ngày, giờ. Giáo viên xây dựng 10 câu hỏi luyện tập theo các mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng) của thang B.S.Bloom.

Hoạt động của học sinh: Học sinh chọn thẻ “Bài tập trên lớp”, chọn “chủ đề “Luyện tập”. Học sinh đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, lược đồ; kết hợp với sử dụng sách giáo khoa để trả lời câu hỏi. Học sinh chọn từng câu hỏi trong chủ đề luyện tập. Chọn đáp án, sau đó chọn nút “Nộp bài” để hoàn thành. Trong mỗi câu hỏi, học sinh có thể gõ trực tiếp ở thẻ “Nhận xét của lớp học” nếu có ý kiến trao đổi chung. Hoặc trao đổi riêng với giáo viên ở thẻ “Nhận xét riêng tư”. Học sinh ghi chép câu hỏi và nội dung trả lời của mình vào vở cá nhân.

Ngoài ra, giáo viên có thể sử dụng Google Form xây dựng câu hỏi luyện tập để chèn link vào Google Classroom (Link câu hỏi: <https://forms.gle/GfseJyCnXwEtvWoj7>). Giáo viên có các chế độ cài đặt cho phép hoặc không cho phép học sinh xem được kết quả, đáp án. Học sinh chọn đường link, trả lời 10 câu hỏi trên Google Form. Học sinh bắt buộc phải trả lời đủ 10 câu hỏi để nộp bài thành công. Sau khi nộp bài, học sinh có thể xem được điểm số của mình, câu trả lời sai, đáp án đúng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận (trực tiếp tại lớp).

Hoạt động của giáo viên: Giáo viên trình chiếu kết quả tổng hợp điểm phần luyện tập trước lớp. Phân tích đáp án những câu hỏi có nhiều học sinh trả lời sai.

Hoạt động của học sinh: Học sinh quan sát, lắng nghe bảng tổng hợp kết quả và so sánh với phần trả lời của mình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận, định hướng (trực tiếp tại lớp)

Hoạt động của giáo viên: Giáo viên nhận xét, động viên, nhắc nhở việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

Giáo viên định hướng những nhiệm vụ tiếp theo mà học sinh cần thực hiện.

Hoạt động của học sinh: Học sinh bổ sung, sửa chữa câu trả lời theo đáp án của giáo viên, ghi chép vào vở cá nhân.

3. Kết luận

Vấn đề vận dụng mô hình dạy học kết hợp trong dạy học Địa lí lớp 6 ở trường trung học cơ sở sẽ đem lại hiệu quả về phát triển tiềm năng của học sinh, giúp học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, đặc biệt là những năng lực cốt lõi như: tự chủ và tự học; tin học; công nghệ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. Ngoài ra, những năng lực đặc thù của môn Địa lí cũng được hình thành như năng lực tìm hiểu Địa lí (Khai thác tài liệu, sử dụng bản đồ, khai thác Internet phục vụ môn học...); năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (Khả năng hình thành và phát triển ý tưởng, trình bày kết quả một bài tập...).

Mô hình dạy học kết hợp có nhiều lợi ích và sẽ là xu thế trong dạy học cần được nghiên cứu, triển khai ở các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, mô hình này đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức và kĩ năng nhất định về công nghệ thông tin để có thể quản lí được học sinh và xử lí tốt các tình huống trên không gian mạng. Đối với học sinh, đó là vấn đề thiết bị và đường truyền tại các gia đình, thêm nữa là ý thức tự học, thời gian dành cho các nhiệm vụ học tập cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của việc thực hiện mô hình dạy học kết hợp. Các nội dung được đề cập trong bài viết là gợi ý cho giáo viên lựa chọn, thực hiện các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp, hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- [1] Zagouras, C., Egarchou, D., Skiniotis, P., & Fountana, M, (2022), *Face to face or blended learning? A case study: Teacher training in the pedagogical use of ICT*, Education and Information Technologies, 27(9), <https://doi.org/10.1007/s10639-022-11144-y>.
- [2] Liu, Y, (2021), *Blended Learning of Management Courses Based on Learning Behaviour Analysis*, International Journal of Emerging Technologies in Learning, 16(9), <https://doi.org/10.3991/ijet.v16i09.22741>.
- [3] Alismaiel, O. A, (2022), *Develop a New Model to Measure the Blended Learning Environments Through Students' Cognitive Presence and Critical Thinking Skills*, International Journal of Emerging Technologies in Learning, 17(12), <https://doi.org/10.3991/ijet.v17i12.30141>.
- [4] Alotumi, M, (2022), *Factors influencing graduate students' behavioral intention to use Google Classroom: Case study-mixed methods research*, Education and Information Technologies, 27(7), <https://doi.org/10.1007/s10639-022-11051-2>.
- [5] Tang, Q., Zhang, T., & Jiang, L, (2023), *Influence of blended instruction on students' learning effectiveness: the role of Flow*, Education and Information Technologies, 28(2), <https://doi.org/10.1007/s10639-022-11224-z>.
- [6] Tổng Thị Hoạt, (2016), *Quy trình xây dựng và tổ chức bài học theo hình thức dạy học kết hợp trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 381.
- [7] Trần Thị Huệ - Nguyễn Thị Kim Oanh, (2020), *Các nguyên tắc cơ bản để thiết kế khóa học ở đại học theo mô hình Blended learning hiệu quả*, Tạp chí Giáo dục, số 477, tr.18-22.
- [8] Nguyễn Hoàng Trang - Nguyễn Hữu Chung - Mai Văn Hưng - Nguyễn Quang Huy - Kiều Cẩm Nhung - Đặng Trần Xuân - Trần Văn Thế, (2020), *Dạy học kết hợp và tổ chức dạy học kết hợp tại trường trung học phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 485, tr.33-38.
- [9] Phạm Thị Kim Giang - Nguyễn Thị Huệ, (2021), *Thực trạng dạy và học Hóa học theo mô hình Blended learning ở một số trường phổ thông tại Thuận Thành, Bắc Ninh trong thời gian dịch bệnh COVID-19 và một số giải*

- pháp, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2021-0201>, số 66(4E), tr.201-209.
- [10] Nguyễn Đoàn Thanh Trúc - Phan Gia Anh Vũ, (2019), *Vận dụng mô hình B-learning vào dạy học chương “Cảm ứng điện từ” - Vật lí 11 Trung học phổ thông với sự hỗ trợ của Google Classroom nhằm phát triển năng lực tự học của học sinh*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 16(9), <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.16.9.2404>(2019).
- [11] Graham, C. R., & Halverson, L. R, (2022), *Blended Learning Research and Practice, In Handbook of Open, Distance and Digital Education* (pp. 1-20), Springer Nature Singapore, https://doi.org/10.1007/978-981-19-0351-9_68-1.
- [12] Oliver, M., & Trigwell, K, (2005), *Can ‘Blended Learning’ Be Redeemed?*, *E-Learning and Digital Media*, 2(1), pp.17-26, <https://doi.org/10.2304/ELEA.2005.2.1.17>.
- [13] Graham, C. R, (2006), *Blended learning systems: Definition, current trends, and future directions*, In *Handbook of blended learning: Global perspectives, local designs*.
- [14] Picciano, A. G, (2009), *Blending with purpose: The multimodal model*, *Journal of Asynchronous Learning Network*, 13(1), <https://doi.org/10.24059/olj.v13i1.1673>.
- [15] Yang, S., Carter, R. A., Zhang, L., & Hunt, T, (2021), *Emanant themes of blended learning in K-12 educational environments: Lessons from the Every Student Succeeds Act*, *Computers & Education*, 163, 104116, <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.104116>.
- [16] Nguyễn Văn Đại - Đào Thị Việt Anh, (2019), *Xây dựng khung năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình Blended Learning*, Tạp chí Giáo dục, số 458(2).
- [17] Trần Bích Hằng, (2021), *Kinh nghiệm quốc tế về dạy học kết hợp trực tuyến, trực tiếp ở tiểu học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 47, tr.60-64.
- [18] Horn, M. B., & Staker, H, (2017), *Blended: Using Disruptive Innovation to Improve Schools*, John Wiley & Sons.
- [19] Bizami, N. A., Tasir, Z., & Kew, S. N, (2023), *Innovative pedagogical principles and technological tools capabilities for immersive blended learning: a systematic literature review*, *Education and Information Technologies*, 28(2), <https://doi.org/10.1007/s10639-022-11243-w>.
- [20] Rasheed, R. A., Kamsin, A., & Abdullah, N. A, (2020), *Challenges in the online component of blended learning: A systematic review*, *Computers and Education*, 144, 103701, <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2019.103701>.
- [21] Nguyễn Việt Dũng, (2016), *Google apps for Education - Bộ công cụ “đám mây” hữu ích dành cho giáo dục*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 130, tr.34-38.
- [22] Nguyễn Kim Đào - Dương Bá Vũ - Nguyễn Công Chung - Nguyễn Minh Tuấn, (2023), *Tổ chức hoạt động học theo mô hình “lớp học đảo ngược” với sự hỗ trợ của Google Classroom trong dạy học môn Khoa học tự nhiên*, Tạp chí Giáo dục, số 23(03), tr.18-24.
- [23] Douglas, G, (2020), *Google classroom: a beginner’s guide to online teaching for teachers and students*, Get the best from distance learning and teaching with google and learn how to manage virtual or blended classrooms.
- [24] Lê Anh Vinh - Đặng Thị Thu Huệ - Bùi Thị Diễm - Vương Quốc Anh - Phùng Thu Trang - Đỗ Đức Lân, (2022), *Thực trạng học tập trực tuyến của học sinh phổ thông Việt Nam trong bối cảnh COVID-19*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 18(3), <https://doi.org/https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210301>.
- [25] Đào Ngọc Hùng (Chủ biên) và cộng sự, (2021), *Sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 - Phần Địa lí (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [26] Alammary, A., Sheard, J., & Carbone, A, (2014), *Blended learning in higher education: Three different design approaches*, *Australasian Journal of Educational Technology*, 30(4), <https://doi.org/10.14742/ajet.693>.
- [27] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018a), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [28] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018b), *Chương trình Giáo dục phổ thông Môn Lịch sử và Địa lí (Cấp Trung học cơ sở)* - Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [29] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), *Công văn 5512/BGDĐT – GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường*.

USING GOOGLE CLASSROOM IN TEACHING GEOGRAPHY BASED ON THE BLENDED LEARNING MODEL IN LOWER SECONDARY SCHOOLS

Phạm Tất Thành

Email: thanhpt@tnue.edu.vn
 Thai Nguyen University of Education -
 Thai Nguyen University
 20 Luong Ngoc Quyen, Thai Nguyen city,
 Thai Nguyen province, Vietnam

ABSTRACT: *The implementation of the General Education Curriculum (2018) requires a change from content-oriented teaching to competency-oriented teaching for students. Therefore, using new technologies and applying modern teaching models in education is an inevitable trend. By analyzing theories, this article first focuses on exploring Blended learning models. Next, the authors define the role of Google Classroom as a support tool in Blended learning. Finally, we propose to organize some of the learning activities in the lesson on “Volcanoes and earthquakes” in the grade 6 Geography textbook based on the Blended learning model.*

KEYWORDS: Blended learning, Google Classroom, grade 6 Geography.